CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Xây dựng Vina2

Ngày 30/06/2025	7,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.8%	**-9.5%**	**-**

DT thuần
Q2/25
267
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 42.0| 18.5%
YoY: ▲ 29.0| 12.1%

LN thuần
Q2/25
5.66
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.96| 20.5%
YoY: ▼4.02| -41.5%

LN sau thuế
Q2/25
4.35
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.52| 13.5%
YoY: ▼18.8| -81.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
9.6%
YoY: +/-▲ 1.6%

ROE (TTM)
Q2/25
4.2%
YoY: +/-▼ 2.1%

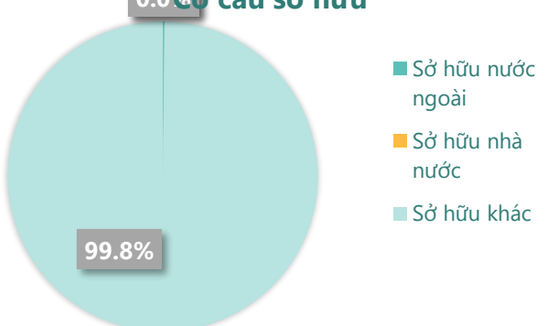
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,400 - 10,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	523
Số lượng CPLH (CP)	68,769,410
KLGD BQ 20 phiên (CP)	979,480
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	1.29
EPS	561
P/E	13.6

DT thuần
6T 2025
492
tỷ VNĐ
YoY: ▼22.0| -4.3%

LN thuần
6T 2025
10.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.90| -15.6%

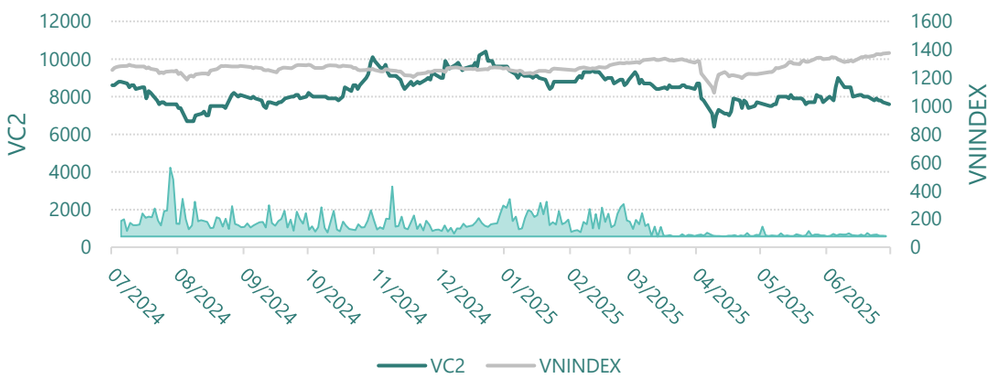
LN sau thuế
6T 2025
8.17
tỷ VNĐ
YoY: ▼16.6| -67.1%

Cơ cấu sở hữu

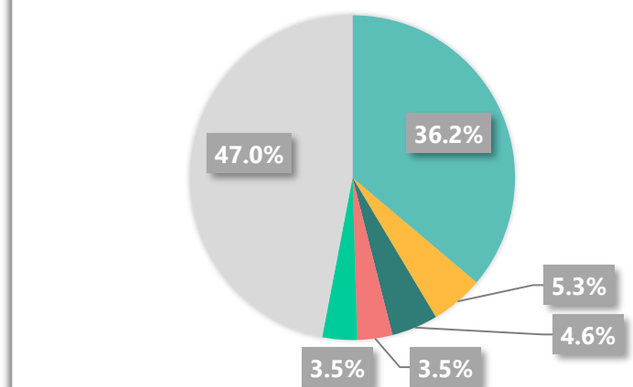


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

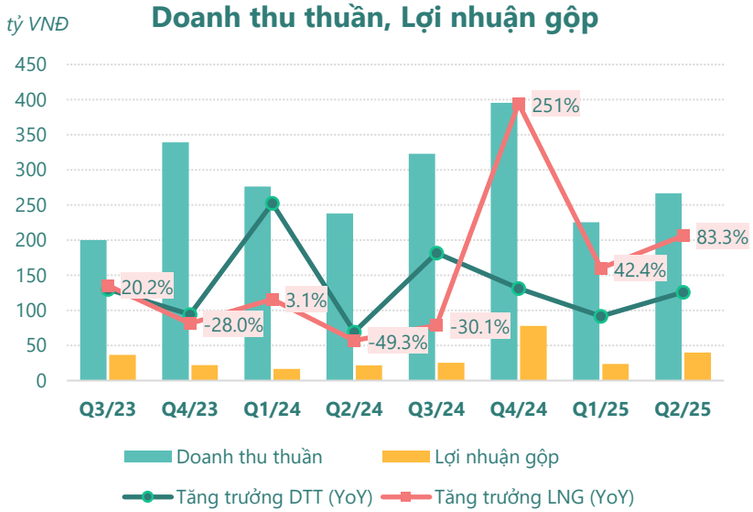


- CTCP Đầu tư MST
- Đỗ Trọng Quỳnh (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Thị Mai Phương
- Trần Thị Linh
- Nguyễn Thanh Mai
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

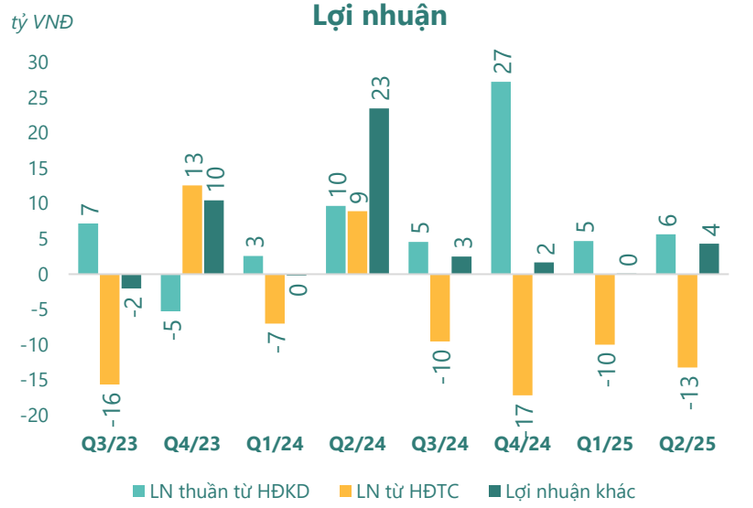
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



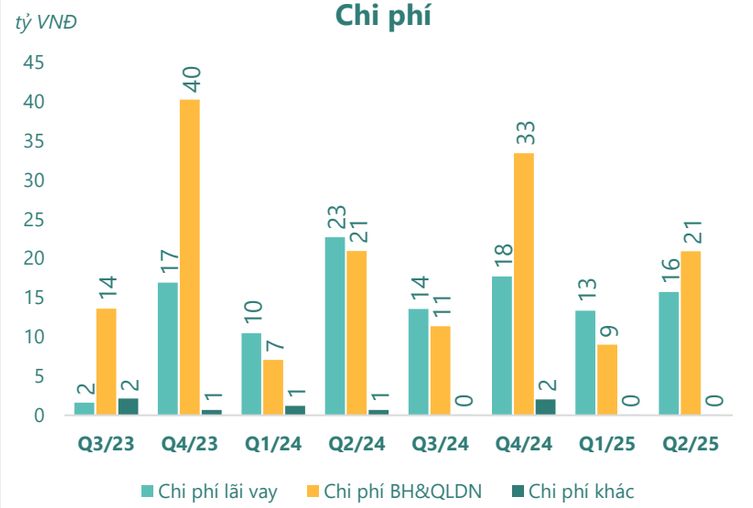
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



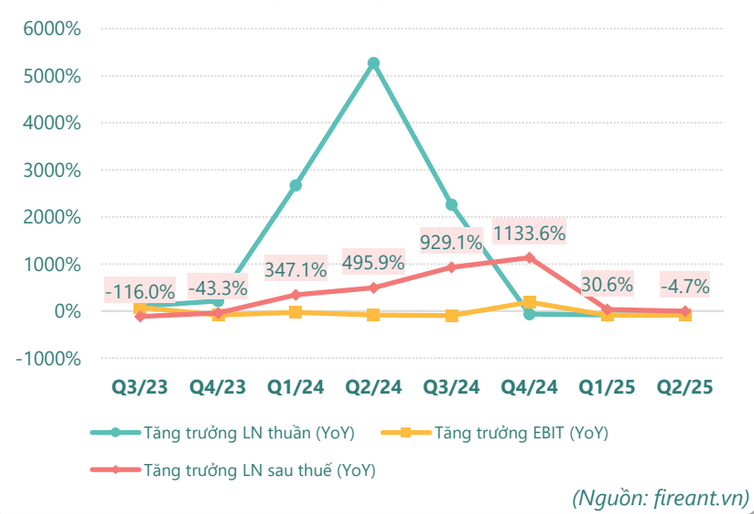
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



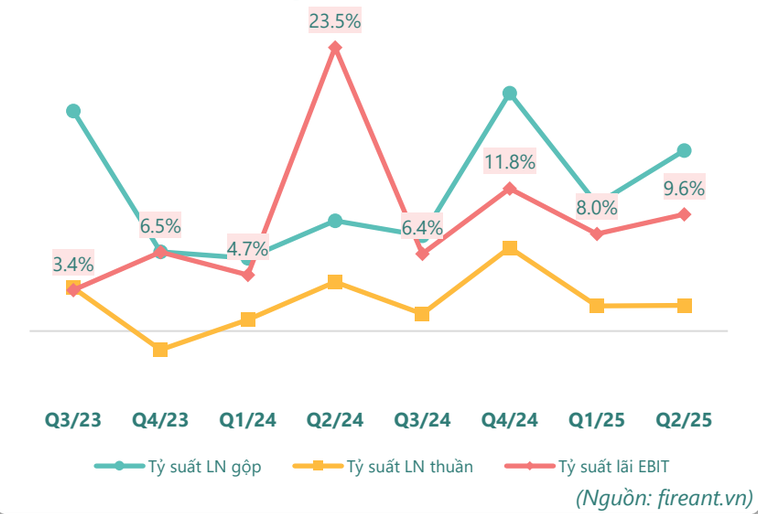
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



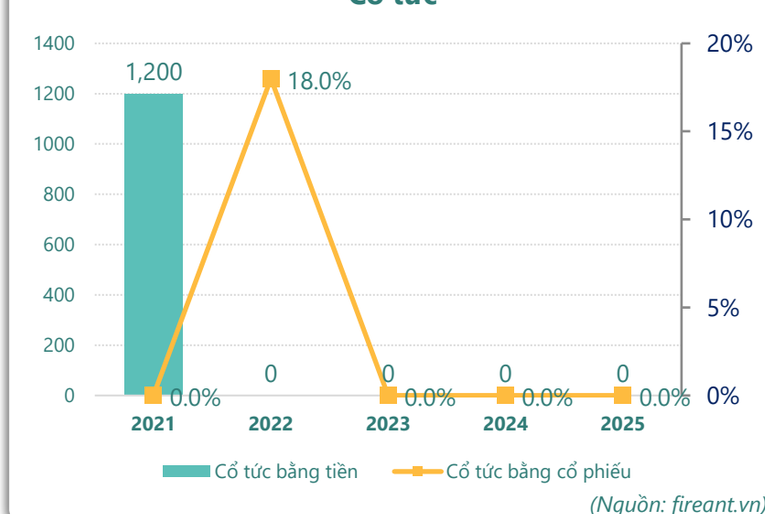
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

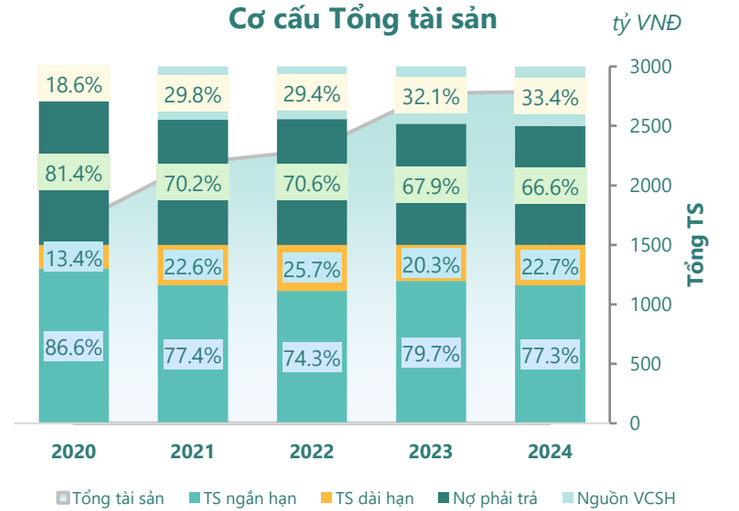
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

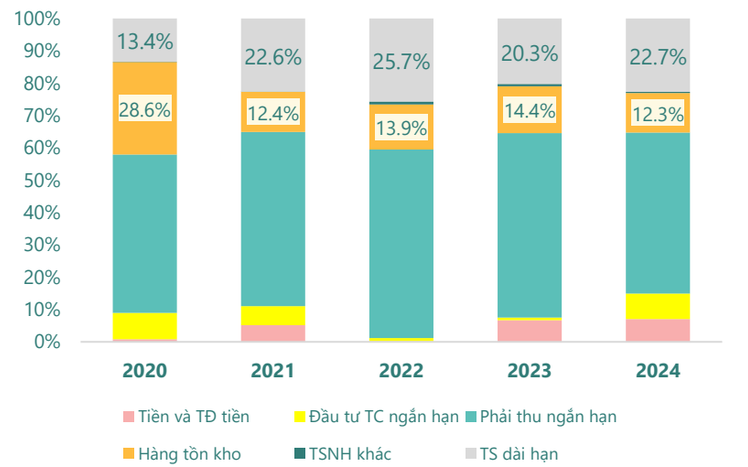
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



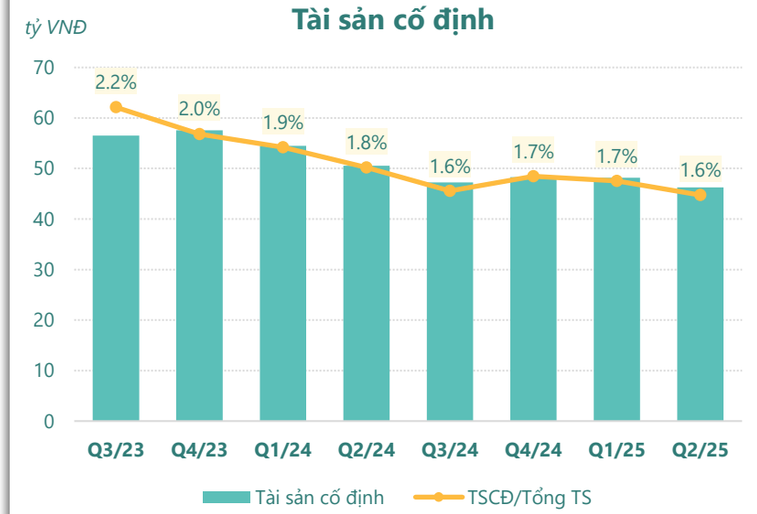
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



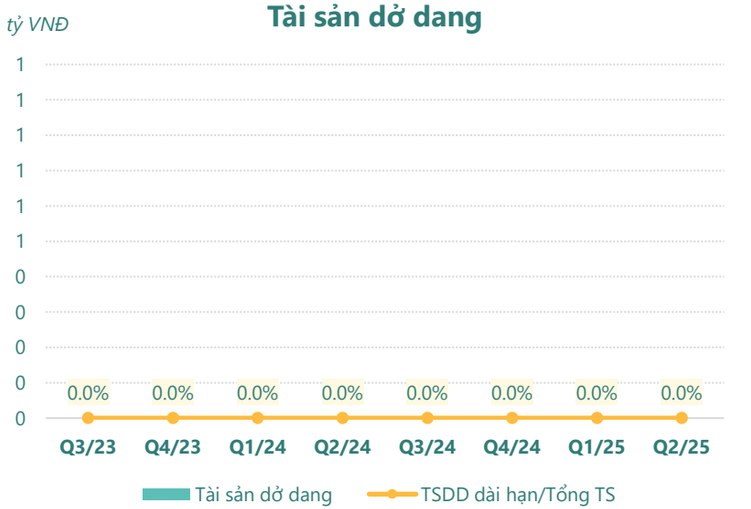
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



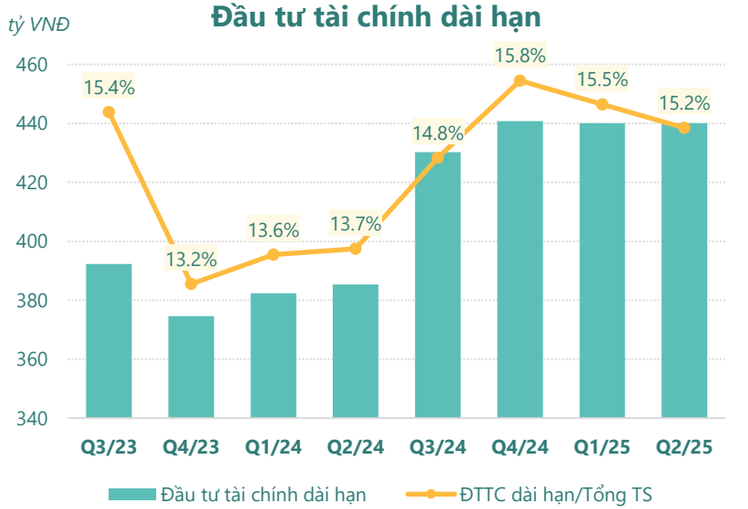
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



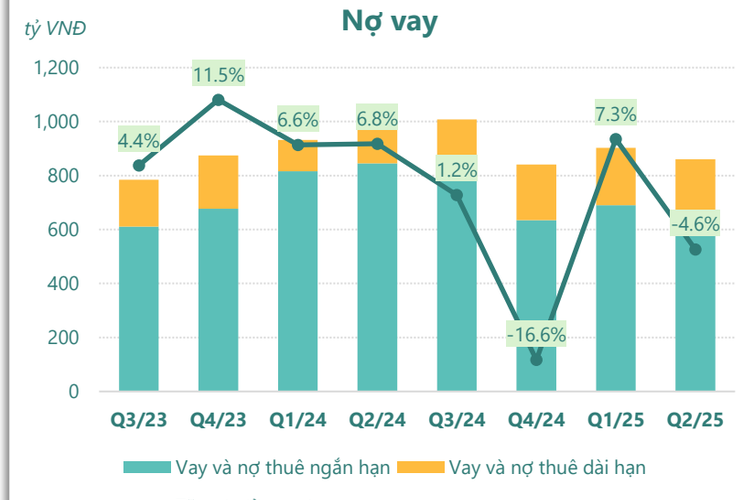
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

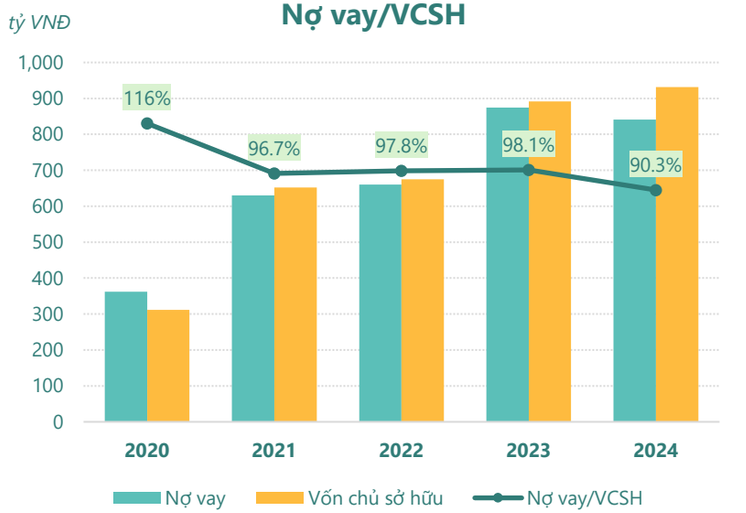
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



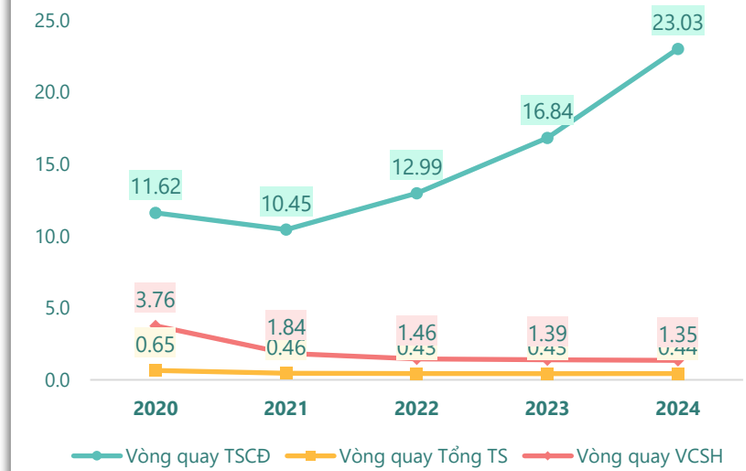
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



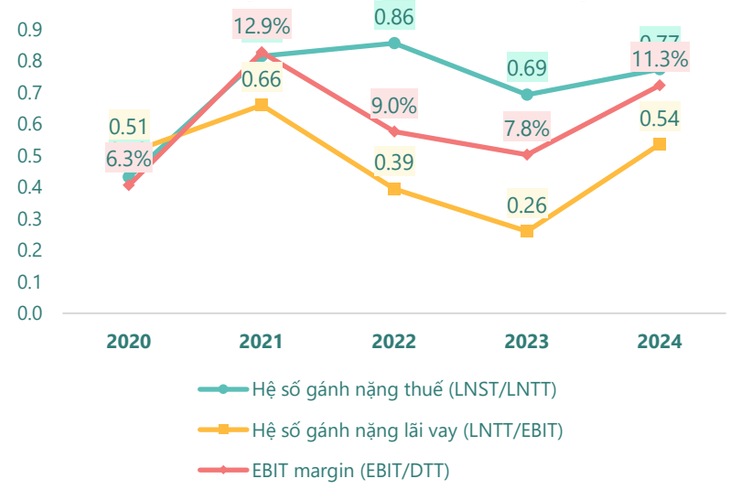
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



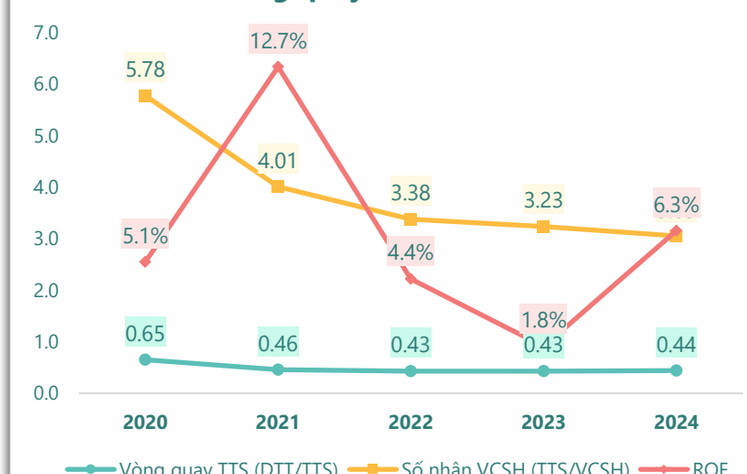
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



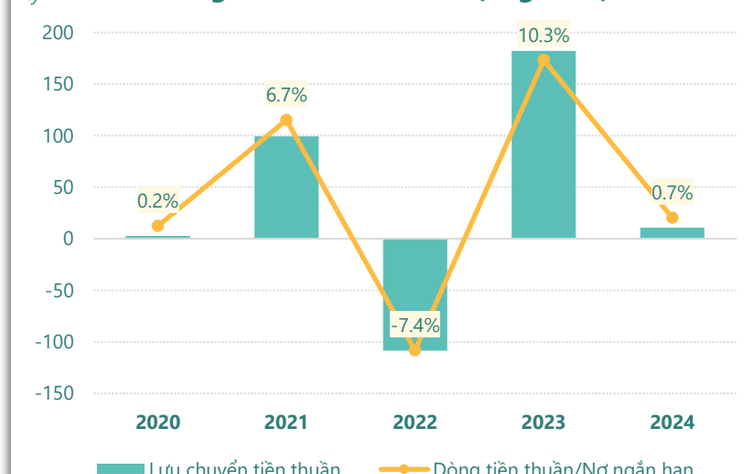
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**267**	**238**	**12.1%**	**492**	**514**	**-4.3%**
Giá vốn hàng bán	227	216	5.1%	429	476	-9.9%
Lợi nhuận gộp	39.8	21.7	83.4%	63.5	38.4	65.5%
Doanh thu HĐTC	2.50	31.8	-92.1%	5.87	35.3	-83.4%
Chi phí TC	15.7	22.9	-31.3%	29.1	33.3	-12.8%
Chi phí lãi vay	15.7	22.7	-30.7%	29.1	33.2	-12.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.01**	**-100%**	**0**	**0.00**	**-100%**
Chi phí bán hàng	1.50	0.00		1.50	0	
Chi phí QLDN	**19.4**	**21.0**	**-7.6%**	**28.4**	**28.0**	**1.4%**
LN thuần từ HĐKD	5.66	9.68	-41.5%	10.4	12.3	-15.6%
Lợi nhuận khác	**4.33**	**23.5**	**-81.6%**	**4.42**	**23.3**	**-81.0%**
LN trước thuế	10.00	33.2	-69.9%	14.8	35.5	-58.4%
Lợi nhuận sau thuế	**4.35**	**23.1**	**-81.2%**	**8.17**	**24.8**	**-67.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.35**	**23.3**	**-81.3%**	**8.15**	**25.0**	**-67.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-191	344	-158	324	-111	-94.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-38.4	-215	-64.3	17.0	5.24	27.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	57.7	73.6	28.1	-168	-63.3	82.8
Tiền đầu kỳ	187	14.7	218	24.2	197	28.4
Lưu chuyển tiền thuần	**-172**	**203**	**-194**	**173**	**-169**	**16.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	14.7	218	24.2	197	28.4	45.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,896**	**2,790**	**3.8%**
Tài sản ngắn hạn	2,270	2,157	5.2%
Tiền và tương đương tiền	45.0	197	-77.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	222	220	1.0%
Phải thu ngắn hạn	1,608	1,387	15.9%
Hàng tồn kho	374	342	9.2%
Tài sản ngắn hạn khác	20.8	10.5	97.1%
Tài sản dài hạn	**627**	**632**	**-0.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	46.3	49.5	-6.5%
Bất động sản đầu tư	137	140	-1.7%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	440	440	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.81**	**3.14**	**-10.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,961	1,859	5.5%
Nợ ngắn hạn	**1,592**	**1,495**	**6.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	648	635	2.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	367	369	-0.6%
Nợ dài hạn	369	364	1.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	212	206	2.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**935**	**931**	**0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**935**	**931**	**0.4%**
Vốn điều lệ	688	688	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)